**ĐE CHÍNH THỨC**

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**

**QUẢNG BÌNH NĂM HỌC 2022 - 2023**

Môn: TIẾNG ANH (CHUNG)

**Thời gian làm bài: 60 phút** (không kể thòi gian phát đề)

**KEYS**

1. **Điên vào mỗi chỗ trống một từ thích hợp ở trong khung đê hoàn thành đoạn văn sau.**

**for since chance made visited about beautiful hardly**

Have you ever been to Britain? I've dreamed of going there (1) since. I was a little girl and finally, in the
spring of 2012, it happened. I was there for three weeks and spent much of that time soaking up the culture,
history, and scenery of this incredible island. I (2) visited several districts in England, Wales and Scotland
and even made a site trip to Ireland. Every place I went to seemed to be more interesting and more (3)
beautiful than the last.

The tour I was with began in London. Of all the sights I saw there, the Tower of London was the most
interesting. The Tower is a building complex of incredibly rich history. Also on the Thames are the Houses
of Parliament and, of course, the clock tower housing "Big Ben". I saw so many landmarks I can (4) hardly
remember them all. Although it was just a glimpse of London I did, at least, get a (5) chance to see all the

most famous places.

After a couple of days in London, we traveled to the south of England stopping to visit Stonehenge. If
you don't know (6) about Stonehenge there are a couple of links on my links page that will take you to sites

that can fill you in.

1. Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời các câu hỏi.

In the future, schools will be better. Computers will be much quicker and we might have pencils which

write for us! All the student will have their own computers. When there is a history lesson, the computer will

show important events. The students will be dressed up as the characters from the period they are studying.

There will be flying boards in the playground, and students will come to school by flying cars. Every child

will have a robot like themselves. The robots will have to go to school while the students sit at home
controlling them in front of their computers. The robots will have laser pens and the student will have laser
ink pens. The classroom will be floating, and the tables and chairs will, too. There will be no homework, and
teachers won't take away the toys.

1. How will computers be in the future?

■\* Computers will be much quicker.

1. What will the computer do in a history lesson?

■\* The computer will show important events.

1. What will students have in the playground?

■\* Students will have flying boards in the playground.

1. Will a student have to go to school if he has a robot like himself?

■\* No, he won't.

1. Biến đổi từ trong ngoặc ở dạng đúng đê hoàn thành các câu sau.
2. We often take part in many cultural activities at school.
3. Traditional celebrations are a good source of fun and entertainment.

**(CULTURE)**

**(CELEBRATE)**

1. Chọn đáp án đúng trong sô A, B, c hoặc D đê hoàn thành các câu sau.
2. I always talk to my parents before an important decision?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. doing | B. taking | c. paying | D. making |
| **14.** The New Year is celebrated  | midnight January 1st. |  |
| A. in/on | B. at/on | c. at/in | D. in/in |
| **15.** Your story is very interesting,  | ? |  |
| A. does it | B. was it | c. wasn't it | D. isn't it |
| **16.** My father took  |  of the fine weather to a day's work in his garden. |  |
| A. chance | B. advantage | c. interest | D. charge |
| **17.** I think I've lost my | new hat. I've  |  it everywhere but I can't find it. |  |
| A. looked out | B. looked in | c. looked on | D. looked for |

**18.** People in Israel are going to celebrate their festival is called Passover.

A. whose B. who **c.** which D. where

1. Linda and Kate are close friends they have many things in common.

A. despite B. because of **c.** because D. although

1. Nam is talking to his friend, Hoa.

**Nam:** "Congratulations on your success!" **~ Hoa: " ."**

A. You're welcome B. No, thanks

**c.** That's very kind of you D. Yes, of course

1. Viết lại các câu sau bắt đầu bằng từ hoặc cụm từ cho sẵn sao cho nghĩa của câu không thay đổi.
2. Despite working hard, he can't support his large family.

**■\* Although** he works hard, he can't support his large family.

1. It's two months since 1 last spoke to her.

**■\* I haven't** spoken to her for two months.

1. Going swimming in the river in the summer is interesting.

**■\* It** is interesting to go swimming in the river in the summer.

1. Sử dụng các từ và cụm từ gợi ý đê viết thành câu hoàn chỉnh.
2. Jane/ be/ impressed / beauty *I* city.

■\* Jane is impressed by the beauty of the city.

1. Instead/ reuse/ plastic bags/ we/ use/ cloth bags.

■\* Instead of reusing plastic bags, we are using cloth bags.

1. Chọn từ trong sô A, B, c hoặc D có trọng âm chính roi vào vị trí khác so với các từ còn lại.
2. A. dangerous B. plentiful c. expensive D. different
3. A. tidy B. complete **c.** extend D. mistake
4. Chọn từ trong sô A, B, c hoặc D có phân gạch chân được phát âm khác với phân gạch chân của những
từ còn lại.
5. A. effect B. enter **c.** restore D. engage
6. A. dảte B. bank **c.** place D. m^ke
7. Sử dụng động từ cho trong ngoặc ở dạng hoặc thì đúng đê hoàn thành các câu sau.
8. [ can't understand the French visitors. I wish I **(know)** knew French.
9. [f my sister **(come)** comes here, I'll tell her the truth.
10. My teacher suggested **(help)** helping elderly people with their chores.
11. The doctor told my father **(stop)** to stop smoking because of his sickness.
12. While Mary **(shop)** was shopping in the market, she saw her old friend.
13. This newspaper **(publish)** is published every day. It's a daily newspaper.

**— THE END —**